

Vũng Tàu, ngày 06 tháng 05 năm 2015

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2015
(VỀ VIỆC: SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CÔNG TY)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được kỳ họp thứ 8 Quốc hội khoá 13 nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC) số 2, được sửa đổi bổ sung và thông qua ngày 10/5/2013.

TT	Điều lệ Công ty hiện tại	Đề xuất sửa đổi bổ sung 2015	Lý do sửa đổi bổ sung
1	Điều 1:Giải thích thuật ngữ Điểm b, khoản 1: " <i>Luật Doanh nghiệp</i> " có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005.	Điều 1:Giải thích thuật ngữ Điểm b, khoản 1: " <i>Luật Doanh nghiệp</i> " có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014.	Phù hợp với Luật DN 2014
2	Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty Khoản 4: Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.	Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty Khoản 4: <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị</u> là đại diện theo pháp luật của Công ty <u>Bổ sung vào khoản 4:</u> <u>Công ty chỉ có một người đại diện theo pháp luật, Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:</u> <u>a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;</u> <u>b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản</u>	Theo điều 13 và 14 Luật DN 2014

		<p><u>của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</u></p> <p><u>c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.</u></p> <p><u>Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều này.</u></p>	
3	<p>Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>Khoản 1: Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>Khoản 2: Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>Khoản 1: Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh <u>những ngành, nghề mà luật không cấm</u> và theo <u>Điều lệ</u> này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>Khoản 2: Công ty được tự do kinh doanh trong các ngành, các lĩnh vực mà pháp luật không cấm và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p>	Theo điều 7 Luật DN 2014
4	<p>Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông</p> <p>Khoản 1: Vốn điều lệ của Công ty là 25.200.000.000 VNĐ (Hai mươi lăm tỷ, hai trăm triệu đồng chẵn). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.520.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.</p>	<p>Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông</p> <p>Khoản 1: Vốn điều lệ của Công ty là tổng giá trị mệnh giá cổ phần các loại đã bán được ghi nhận trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng, số lượng cổ phần bằng vốn điều lệ mệnh giá một cổ phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ phần đã bán là số cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đầy đủ cho Công ty. - Cổ phần được quyền chào bán của Công ty là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào 	Theo điều 110 & 111 Luật DN 2014

	<p>Khoản 2: Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.</p>	<p>bán để huy động vốn. - Cổ phần chưa bán là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán.</p> <p>Khoản 2: Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p><u>Bổ sung vào khoản 2:</u></p> <p><u>Công ty có thể điều chỉnh vốn điều lệ bằng các hình thức sau đây:</u></p> <p><u>a. Hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần với điều kiện vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông.</u></p> <p><u>b. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của công ty trong các trường hợp được quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật doanh nghiệp. Giá cổ phần mua lại được xác định theo giá thị trường (là giá giao dịch trên thị trường cao nhất ngày hôm trước, hoặc giá thỏa thuận, hoặc giá do một tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định) nhưng không cao hơn giá trị sổ sách được xác định trên báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất.</u></p>	<p>Theo khoản 5, điều 111 Luật DN 2014</p>
5	<p>Điều 11: Quyền của cổ đông</p> <p>Khoản 2, điểm h: Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Khoản 3, điểm b; Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Điều 11: Quyền của cổ đông</p> <p>Khoản 2, điểm h: Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129.1 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Khoản 3, điểm b; Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Điều 114</u> và <u>Điều 136</u> Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Theo điều 114 và 136 Luật DN 2014</p>

6	<p>Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Khoản 3: Thanh toán khoản tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</p>	<p>Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Khoản 3: <u>Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</u> <u>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</u></p>	<p>Theo khoản 1 điều 115 Luật DN 2014</p>
7	<p>Điều 13: Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Điểm e, khoản 3: Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>Điểm b, khoản 4: Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Điểm c khoản 4: Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d, Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 13: Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Điểm e, khoản 3: Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 160</u> Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>Điểm b, khoản 4: Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 <u>Điều 136 Luật</u> Doanh nghiệp.</p> <p>Điểm c khoản 4: Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d, Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 6 Điều 136</u> Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Theo điều 136 và điều 160 Luật DN 2014</p>

8	<p>Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Điểm 1, Khoản 2: Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>Điểm o, khoản 2: Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p>	<p>Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Điểm 1, Khoản 2: Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên trên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>Điểm o, khoản 2: Hợp đồng, giao dịch của Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp có giá trị từ 20% trở lên trên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p>	<p>Theo điểm d, khoản 2 điều 135 Luật DN 2014</p> <p>Phù hợp với điều 162 Luật DN 2014</p>
9	<p>Điều 15: Các đại diện được ủy quyền</p> <p>Khoản 1: Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p>	<p>Điều 15: Các đại diện được ủy quyền</p> <p>Khoản 1: Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. 	<p>Theo khoản 2, điều 140 Luật DN 2014</p>
10	<p>Điều 16: Thay đổi các quyền</p> <p>Khoản 1: Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</p>	<p>Điều 16: Thay đổi các quyền</p> <p>Khoản 1: Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua.</p>	<p>Điều chỉnh theo khoản 1 điều 144 Luật DN 2014</p>

11	<p>Điều 17: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Khoản 3: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>Điều 17: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Khoản 3: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất <u>mười (10)</u> ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	Theo Điều 139 Luật DN 2014
12	<p>Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Khoản 1: Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>Khoản 2: Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Khoản 1: Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <u>51%</u> cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>Khoản 2: Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	Theo Điều 141 Luật DN 2014

13	<p>Điều 20: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Khoản 1: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; b) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; c) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo giá trị sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất; d) Sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty <p>Khoản 2: Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm. b) Thông qua định hướng phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; c) Bầu, miễn nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc. 	<p>Điều 20: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p><u>Gộp Khoản 1 và 2 như sau:</u></p> <p>Khoản 1: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; b) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; c) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo giá trị sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất; d) Sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm. f) Thông qua định hướng phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; g) Bầu, miễn nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc. h) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; <p>Khoản 2: Các Nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p>	<p>Theo Điều 143 và 144 Luật DN 2014</p>
14	<p>Điều 30: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành</p> <p>Khoản 2: Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp</p>	<p>Điều 30: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành</p> <p>Khoản 2: <u>Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u> Việc bổ nhiệm có thể hết</p>	<p>Điều chỉnh theo điều 157 Luật DN 2014</p>

	đồng lao động. Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.	hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.	
15	<p>Điều 32: Thành viên ban kiểm soát</p> <p>Khoản 1: Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 (ba) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:.....</p>	<p>Điều 32: Thành viên ban kiểm soát</p> <p>Khoản 1: Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 (ba) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. <u>Thành viên Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</u></p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. <u>Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải hoạt động chuyên trách tại công ty.</u> Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:.....</p>	Theo khoản 2, điều 163 và 164 Luật DN 2014
16	<p>Điều 33: Ban kiểm soát</p> <p>Khoản 1: Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:....</p>	<p>Điều 33: Ban kiểm soát</p> <p>Khoản 1: Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <u>Điều 165 và Điều 166</u> của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:....</p>	Theo điều 165 và 166 Luật DN 2014
17	<p>Điều 41: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</p> <p>Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.</p>	<p>Điều 41: <u>Trích lập các quỹ</u></p> <p><u>Hàng năm, Công ty sẽ phải trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế bao gồm;</u></p> <p><u>1. Quỹ đầu tư phát triển không quá 10% lợi nhuận sau thuế.</u></p> <p><u>2. Quỹ khen thưởng phúc lợi không quá 20% lợi nhuận sau thuế.</u></p> <p><u>Tỷ lệ trích lập các quỹ cụ thể sẽ do đại hội đồng cổ đông quyết định.</u></p>	Theo quy định của thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán

18	Điều 53: Ngày hiệu lực Khoản 1: Bản điều lệ này gồm 21 chương, 54 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Đầu tư phát triển – Xây dựng (DIC) số 2 nhất trí thông qua ngày 10 tháng 05 năm 2013 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Điều 53: Ngày hiệu lực Khoản 1: Bản điều lệ này gồm 21 chương, 54 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Đầu tư phát triển – Xây dựng (DIC) số 2 nhất trí thông qua ngày <u>06 tháng 05 năm 2015</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này kể từ thời điểm ngày <u>01 tháng 07 năm 2015</u> .	
19	Điều 54: Chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty	Điều 54: <u>Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty</u>	Theo điểm c, khoản 3, điều 25 Luật DN 2014

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**